

NGŨ VĂN 9 - TUẦN 7 (HK2)

Tiết 1+ 2 : Văn bản

NÓI VỚI CON

(Y Phương)

I. Đọc – hiểu chú thích

1. Tác giả:

- Y Phương tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước, dân tộc Tày, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
- Là nhà thơ tiêu biểu của dân tộc miền núi, thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.

2. Tác phẩm:

- Mượn lời người cha nói với con, bài thơ gọi về cội nguồn của mỗi con người, đồng thời bộc lộ niềm tự hào trước sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của quê hương mình. Nhà thơ đã mở rộng từ tình cảm gia đình đến tình cảm quê hương, từ những kỷ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống.
- Bài thơ đồng thời cũng gọi cho người đọc những suy nghĩ sâu sắc về trách nhiệm của người làm con.

II. Tìm hiểu bài thơ:

1. Người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của con:

- Mở đầu bài thơ bằng những hình ảnh cụ thể, Y Phương đã tạo được không khí gia đình đầm ấm, quây quần. Từng bước đi, từng tiếng nói tiếng cười của con được cha mẹ mừng vui đón nhận:

“Chân phải bước tới cha

.....

Hai bước tới tiếng cười”

Những câu thơ có cách diễn đạt thật độc đáo đã cho thấy tình yêu thương của cha mẹ đối với con. Con lớn lên hàng ngày trong tình yêu thương ấy, trong sự nâng niu, mong chờ của cha mẹ.

- Không chỉ có tình yêu thương của cha mẹ, thời gian trôi qua, con trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương. Đó là cuộc sống của những “người đồng mình”, rất cần cù và tươi vui:

“Người đồng mình thương lắm con ơi

.....

Ngày đầu tiên đẹp nhất trong đời”.

- Những từ ngữ giàu sắc thái biểu hiện: *cải nan hoa, ken câu hát*,... đã miêu tả cụ thể cuộc sống ấy đồng thời thể hiện tình cảm gắn bó, quây quần của con người quê hương.
- Rừng núi quê hương thơ mộng và trữ tình cũng là một trong những yếu tố nuôi con khôn lớn, nâng đỡ tâm hồn con. Thiên nhiên với những sông, suối, ghềnh, thác... đã nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống: “*Rừng cho hoa, con đường cho những tấm lòng*”.
- Cách gọi “*người đồng mình*” đặc biệt gần gũi, thân thiết và gắn bó như gọi niềm ruột thịt yêu thương.

2. Cha nói với con về những đức tính cao đẹp của “người đồng mình”:

- Đó là lòng yêu lao động, hăng say lao động với cả tấm lòng. Đó là sức sống bền bỉ, mạnh mẽ, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ:

*“Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn”.*

- Dùng những từ ngữ rất mạnh mẽ như "cao", "xa", "lớn", tác giả muốn nhấn mạnh cuộc sống khoáng đạt, mạnh mẽ của những "người đồng mình". Dù khó khăn, đói nghèo còn nhiều nhưng họ không nhụt chí, ý chí của họ vẫn rất vững chắc, kiên cường:

“Người đồng mình thô sơ da thịt

.....

Còn quê hương thì là phong tục”

- Những "người đồng mình" vượt qua vất vả để bám trụ lấy quê hương. Bằng cuộc sống lao động không mệt mỏi, họ xây dựng quê hương với những truyền thống cao đẹp. Những "người đồng mình" mộc mạc, thẳng thắn nhưng giàu chí khí, niềm tin... Người cha đã kể với con về quê hương với cảm xúc rất tự hào.

3. Người cha mong muốn con sống phải có nghĩa tình, thủy chung với quê hương:

“Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

.....

Không lo cực nhọc”

- Người cha mong cho con mình sống ngay thẳng, trong sạch, sống với ý chí, niềm tin để vững vàng vượt qua mọi thử thách khó khăn.
- Người cha mong cho con sống phải luôn tin vào khả năng của mình, tin tưởng vào bản thân và lòng tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, với truyền thống của quê hương.

4. Phát biểu cảm nghĩ:

- Bài thơ đã gợi cho người đọc những suy nghĩ sâu sắc. Đằng sau những lặng lẽ, thâm trầm của cha là biết bao yêu thương, biết bao mong mỏi, biết bao hi vọng, biết bao đợi chờ ...
- Con lớn lên như hôm nay không chỉ nhờ vào cơm ăn và áo mặc mà còn mang nặng ân tình của những lời dạy dỗ ân cần thấm thía. Con xin nguyện:

“Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”.

- Con sẽ bước theo những bước chân vững chắc mà cha để lại trên con đường cha bước, nguyện “*sống như sông như suối*”, nguyện ngẩng cao đầu “*lên đường*” mà không “*thô sơ da thịt*”. Và trên con đường ấy, con sẽ mang theo hình ảnh quê hương để tiếp tục nối tiếp cha anh “*tự đục đá kê cao quê hương*” thân thiết của mình.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa có sức gợi cảm khái quát, cách nói mộc mạc, so sánh cụ thể, thể hiện cách nói đặc trưng của đồng bào miền núi.
- Lời thơ trù mên tha thiết, điệp từ như điểm nhấn lời dặn dò ân cần, tha thiết của người cha.

2. Nội dung:

Qua lời người cha nói với con, nhà thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi - gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống.

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ

I- TÌM HIỂU BÀI

1. Tìm hiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

Xét văn bản “*Khát vọng hoà nhập, dâng hiến cho đời*” (SGK trang 77,78)

- Vấn đề nghị luận: Hình ảnh mùa xuân và tình cảm thiết tha của Thanh Hải.
- Các luận điểm:
 - + Luận điểm 1: Mùa xuân mang nhiều tầng ý nghĩa, hình ảnh nào cũng gợi cảm, đáng yêu.
 - + Luận điểm 2: Mùa xuân của thiên nhiên, đất nước rạo rực, thiết tha trù mến.
 - + Luận điểm 3: Khát vọng hoà nhập được dâng hiến cho đời “*một mùa xuân nho nhỏ*”.
- Bố cục: 3 phần.
 - + Mở bài: Giới thiệu chung: “*Mùa xuân ... trân trọng*”.
 - + Thân bài: Trình bày các luận điểm để chứng minh cho mùa xuân và khát vọng hoà nhập, dâng hiến: “*Hình ảnh mùa xuân ... mùa xuân*”.
 - + Kết bài: Đánh giá sức truyền cảm của bài thơ: còn lại.

2. Cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ:

a) Các bước làm một bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ:

- Tìm hiểu đề và tìm ý.
- Lập dàn bài.
- Viết bài.
- Đọc lại bài viết và sửa chữa.

b) Cách tổ chức, triển khai luận điểm:

Ví dụ: văn bản “*Quê hương trong tình thương, nỗi nhớ*” SGK/ 81, 82, 83

- **Mở bài**: “*Quê hương... rưng rờ*”: Cảm xúc về quê hương trong thơ Tế Hanh; giới thiệu tác phẩm cần bàn luận.
- **Thân bài**: “*Nhà thơ... của Tế Hanh*”: trình bày cảm nhận về cảm xúc của Tế Hanh khi ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống.
 - Luận cứ 1: Hình ảnh đoàn thuyền ra khơi trong kí ức thật sinh động (*dẫn thơ*).
 - + Hình ảnh con thuyền.
 - + Nhận xét về lời thơ, từ ngữ.
 - + Cảm nhận về cánh buồm.→ Tình cảm của tác giả thiêng liêng trù mến.
 - Luận cứ 2: Cảnh nhộn nhịp, tấp nập khi đón thành quả lao động vui tươi trở về (*dẫn thơ*). Nhận xét âm điệu thơ.
 - Luận cứ 3: Hình ảnh con người với những câu thơ tinh tế hay nhất (*dẫn thơ*).
 - + Nhận xét về người dân chài.
 - + Hương vị của quê hương.
 - + Nhận xét câu thơ cuối.
- * **Kết bài**: còn lại: Khái quát giá trị và tác dụng của bài thơ “*Quê hương*”

II. LUYỆN TẬP

Cảm nhận về cảm xúc của tác giả trước mùa xuân thiên nhiên qua khổ 1 bài thơ
***Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải)**

(HS tham khảo dàn ý chi tiết trong đề cương)

TOÁN 9

CHƯƠNG 4 – HÀM SỐ BẬC HAI VÀ PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI

CHỦ ĐỀ 2: PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN (tiếp theo)

TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

3/ CÔNG THỨC NGHIỆM THU GỌN:

- Khi giải phương trình: $ax^2 + bx + c = 0$ ($a \neq 0$), trong nhiều trường hợp, nếu thay $b = 2.b'$ thì việc tính toán sẽ đơn giản hơn.

Các bước giải phương trình bậc hai một ẩn: $ax^2 + bx + c = 0$ ($a \neq 0$)

B1: Xác định các hệ số a , $b' = \frac{b}{2}$, c .

B2: Tính biệt thức: $\Delta' = \dots\dots\dots$

B3: Xác định nghiệm của phương trình:

TH1: Nếu $\Delta' < 0$ thì **phương trình** $\dots\dots\dots$

TH2: Nếu $\Delta' = 0$ thì **phương trình** $\dots\dots\dots$: $x_1 = x_2 = \dots\dots\dots$

TH3: Nếu $\Delta' > 0$ thì **phương trình** $\dots\dots\dots$:
 $\left[\begin{array}{l} x_1 = \dots\dots\dots \\ x_2 = \dots\dots\dots \end{array} \right.$

Ví dụ 7: Giải các phương trình bằng công thức nghiệm thu gọn:

1) $7x^2 - 12x + 5 = 0$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2) $5x^2 - 2\sqrt{5}x + 1 = 0$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3) $x^2 - 6x + 11 = 0$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4/ SỰ TƯƠNG GIAO GIỮA ĐƯỜNG THẲNG (D) VÀ PARABOL (P):

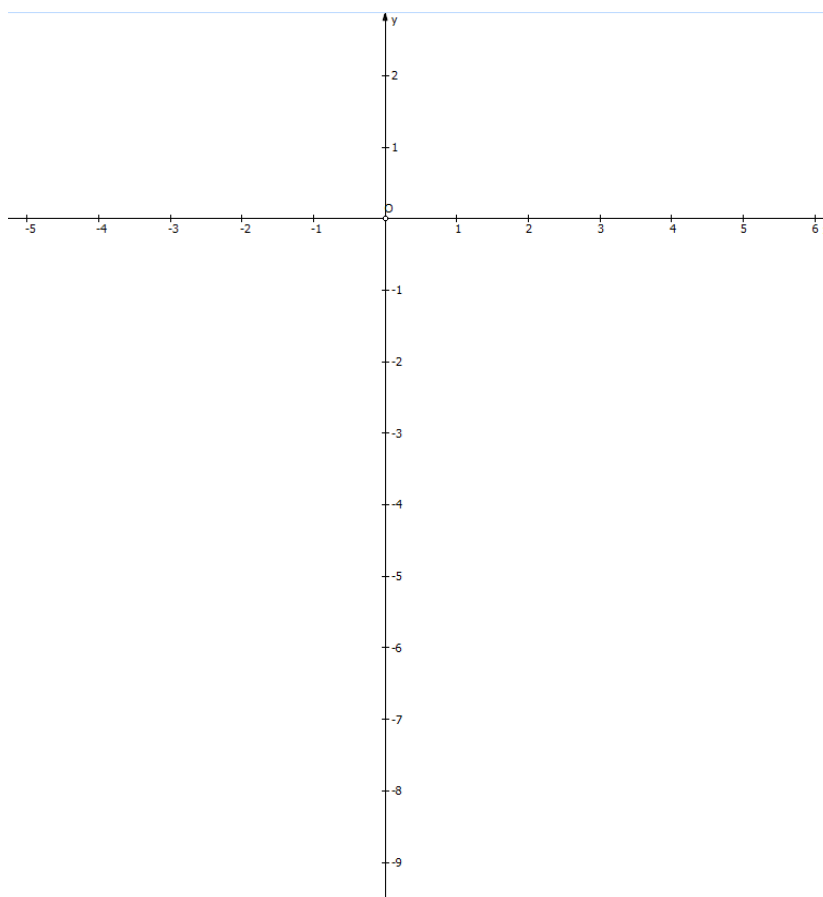
Ví dụ 8: a) Vẽ đồ thị hàm số: (P): $y = \frac{-x^2}{2}$ và (D): $y = \frac{1}{2}x - 1$ trên cùng hệ trục tọa độ.

- Bảng giá trị:

x					
$y = \frac{-x^2}{2}$					

x		
$y = \frac{1}{2}x - 1$		

- Vẽ đồ thị:



b) Tìm tọa độ giao điểm của (P) và (D) bằng phép toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

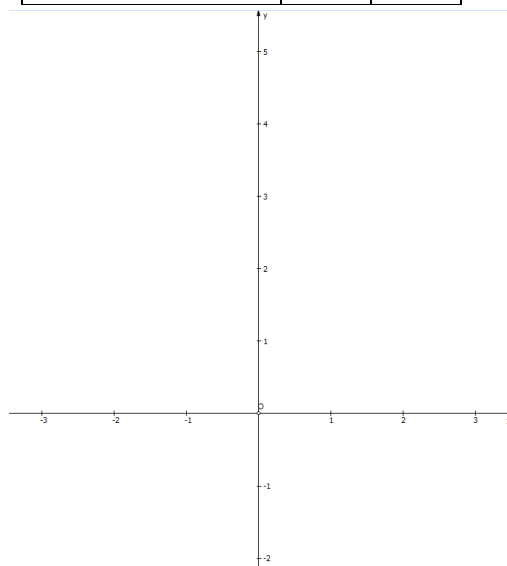
Ví dụ 9: a) Vẽ đồ thị hàm số: (P): $y = x^2$ và (D): $y = 2x - 1$ trên cùng hệ trục tọa độ.

- Bảng giá trị:

x	- 2	- 1	0	1	2
$y = x^2$					

x		
$y = 2x - 1$		

- Vẽ đồ thị:



b) Tìm tọa độ giao điểm của (P) và (D) bằng phép toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Bài 1: Giải các phương trình sau bằng công thức nghiệm thu gọn:

$$1) \quad 3x^2 - 8x + 5 = 0$$

$$2) -x^2 + 10x - 9 = 0$$

$$3) \quad x^2 - 2\sqrt{3}x + 3 = 0$$

$$4) 2x^2 - 2\sqrt{14}x + 7 = 0$$

$$5) \quad x^2 - 10x + 23 = 0$$

$$6) \quad x^2 - 2\sqrt{3}x - 6 = 0$$

Bài 2: Trong mặt phẳng tọa độ Oxy cho hàm số $y = \frac{x^2}{2}$ có đồ thị (P) và đường thẳng

$$(D): y = -\frac{x}{2} + 3$$

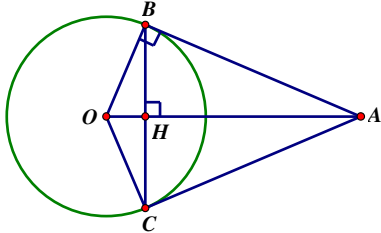
- a) Vẽ đồ thị (P) và (D) trên mặt phẳng tọa độ Oxy.
- b) Tìm tọa độ giao điểm của (P) và (D) bằng phép toán.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal blue or grey ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

TOÁN 9
CHƯƠNG 3 – GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN
CHỦ ĐỀ 2: TỨ GIÁC NỘI TIẾP (tiếp theo)

BÀI TẬP 4: VẬN DỤNG GÓC VUÔNG NHỜ TÍNH CHẤT CỦA TIẾP TUYẾN ĐƯỜNG TRÒN:

Bài tập mẫu:



Cho (O, R) , từ điểm A nằm ngoài (O) vẽ tiếp tuyến AB (B là tiếp điểm) và dây cung BC vuông góc OA tại H.

a) Chứng minh: AC là tiếp tuyến của (O) .

b) Chứng minh tứ giác ABOC nội tiếp.

Giải

a) Ta có: $\triangle OBC$ cân tại O ($OB = OC = R$)

mà OH là (vì $OH \perp BC$)

$\Rightarrow$ OH đường của $\widehat{BOC}$

$\Rightarrow \widehat{BOA} = \widehat{COA}$

Xét $\triangle ABO$ và $\triangle ACO$ có:

$$\begin{cases} OB = OC (= R) \\ OA \text{ là cạnh chung} \\ \widehat{BOA} = \widehat{COA} (\text{cmt}) \end{cases}$$

$\Rightarrow \triangle ABO = \triangle ACO$ (c - g - c)

$\Rightarrow \widehat{ABO} = \widehat{ACO}$ (hai góc tương ứng)

mà $\widehat{ABO} = 90^\circ$ (vì AB là của (O)).

$\Rightarrow \widehat{ACO} = 90^\circ$

$\Rightarrow AC \perp OC$ tại $C \in (O)$

$\Rightarrow AC$ là của (O)

b/ Xét tứ giác ABOC có:

$$\begin{cases} \widehat{ABO} = (.....) \\ \widehat{ACO} = (.....) \end{cases}$$

$\Rightarrow + = 180^\circ$

$\Rightarrow$ tứ giác ABOC nội tiếp đường tròn đường kính

(tứ giác có).

Bài tập tương tự:

Bài 1:

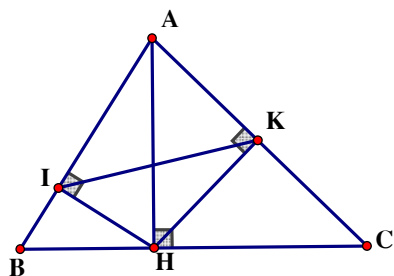
Cho (O) và điểm S nằm ngoài (O), vẽ tiếp tuyến SA với (O) (A là tiếp điểm). Gọi H là hình chiếu của A trên SO, tia AH cắt (O) tại B.

- a) Chứng minh SB là tiếp tuyến của (O).
b) Chứng minh tứ giác SAOB nội tiếp.

[illegible]

BÀI TẬP 5: VẬN DỤNG GÓC TRONG BẢNG GÓC ĐỐI NGOÀI NHỜ PHƯƠNG TÍCH:

Bài tập mẫu:



Cho tam giác ABC nhọn $AB < AC$ có đường cao AH. Gọi I và K lần lượt là hình chiếu của H trên AB, AC.

a) Chứng minh $AI \cdot AB = AK \cdot AC$. Từ đó suy ra

$$\Delta AIK \sim \Delta ACB$$

b) Chứng minh tứ giác BIKC nội tiếp.

Giải:

a) Xét ΔAHB tại H ($AH \perp BC$)

có HI là ($HI \perp AB$)

$$\Rightarrow AI \cdot AB = \dots\dots\dots^2 (htl) \quad (1)$$

Xét ΔAHC tại H ($AH \perp BC$)

có HK là ($HK \perp AC$)

$$\Rightarrow AK \cdot AC = \dots\dots\dots^2 (htl) \quad (2)$$

Từ (1) và (2) ta có : =

Xét ΔAIK và ΔACB có:

$$\left\{ \begin{array}{l} \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots = \dots\dots\dots \\ \dots\dots\dots \end{array} \right.$$

$$\Rightarrow \Delta AIK \sim \Delta ACB (c - g - c)$$

b/ Ta có $\Delta AIK \sim \Delta ACB (cmt)$

$$\Rightarrow \widehat{AIK} = \widehat{ACB} \quad (\text{hai góc tương ứng})$$

$\Rightarrow$ Tứ giác BIKC nội tiếp (Tứ giác có bằng).

Bài tập tương tự:

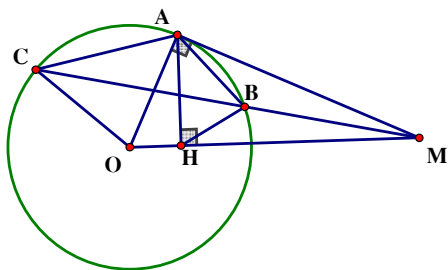
Bài 1: Cho tam giác ABC có 3 góc nhọn, vẽ đường cao CM, gọi N, P lần lượt là hình chiếu của M trên AC và BC.

- a) Chứng minh CN. CA = CP. CB.
b) Chứng minh tứ giác ABPN nội tiếp.

[illegible]

BÀI TẬP 6: VẬN DỤNG GÓC TRONG BẢNG GÓC ĐỐI NGOÀI NHỜ PHƯƠNG TÍCH:

Bài tập mẫu:



Cho điểm M nằm ngoài (O), vẽ tiếp tuyến MA (A là tiếp điểm) và cát tuyến MBC (MB < MC).

a) Chứng minh $MA^2 = MB.MC$

b) Vẽ $AH \perp OM$ tại H. Chứng minh MB. MC = MH. MO và từ đó chứng minh tứ giác OHBC nội tiếp.

Giải:

a)

Xét $\triangle \dots\dots\dots$ và $\triangle \dots\dots\dots$ có:

$$\begin{cases} \widehat{MAB} = \widehat{MCA} \text{ (} \dots\dots\dots \text{)} \\ \dots\dots\dots \text{ là góc chung} \end{cases}$$

$$\Rightarrow \triangle \dots\dots\dots \sim \triangle \dots\dots\dots \text{ (g - g)}$$

$$\Rightarrow \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \text{ (tsdd)}$$

$$\Rightarrow MA^2 = MB.MC$$

b) Xét $\triangle MAO$ $\dots\dots\dots$ tại A ($\dots\dots\dots$)

có AH là $\dots\dots\dots$ ($AH \perp OM$)

$$\Rightarrow MH.MO = \dots\dots\dots^2 \text{ (htl)}$$

mà $MA^2 = MB.MC$ (cmt)

$$\Rightarrow MH.MO = MB.MC$$

Xét $\triangle MHB$ và $\triangle MCO$ có:

$$\begin{cases} \dots\dots\dots \\ \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} = \frac{\dots\dots\dots}{\dots\dots\dots} \end{cases}$$

$$\Rightarrow \triangle MHB \sim \triangle MCO \text{ (cgc)}$$

$$\Rightarrow \widehat{MHB} = \widehat{\dots\dots\dots} \text{ (hai góc tương ứng)}$$

$\Rightarrow$ Tứ giác OHBC nội tiếp (Tứ giác có $\dots\dots\dots$ bằng $\dots\dots\dots$).

Bài tập tương tự:

Bài 1: Cho điểm S nằm ngoài (O), vẽ tiếp tuyến SM (M là tiếp điểm) và cát tuyến SPQ (SP < SQ)

- a) Chứng minh $SM^2 = SP.SQ$.
b) Gọi K là hình chiếu của M trên SO, chứng minh $SP.SQ = SK.SO$, từ đó chứng minh tứ giác OKPQ nội tiếp.

[illegible]

TUẦN 7 – TIẾNG ANH 9

NỘI DUNG BÀI HỌC

UNIT 8: CELEBRATIONS

VOCABULARY

NEW WORDS	PRONUNCIATION	MEANINGS
Acquaintance (n)	/ə'kweɪntəns/	Người quen
Ancient (a)	/'eɪnʃənt/	Cổ xưa, cổ kính
Celebrate (v)	/'selɪbreɪt/	Làm lễ kỉ niệm
Celebration (n)	/,selɪ'breɪʃn/	Lễ kỉ niệm
Charity (n)	/'tʃærəti/	Long từ thiện, hội từ thiện
Compose (v)	/kəm'pəʊz/	Sáng tác, soạn thảo
Congratulate (v)	/kən'grætʃuleɪt/	Chúc mừng
Considerate (a)	/kən'sɪdəreɪt/	Ân cần, chu đáo
Decorate (v)	/'dekəreɪt/	Trang trí
Describe (v)	/dɪ'skraɪb/	Mô tả
Distinguish (v)	/dɪ'stɪŋɡwɪʃ/	Phân biệt
Easter (n)	/'iːstə(r)/	Lễ Phục sinh
Freedom (n)	/'friːdəm/	Sự tự do
Generous (a)	/'dʒenərəs/	Rộng lượng
Groom (n)	/ɡruːm/	Chú rể
Guest (n)	/ɡest/	Khách mời
Hug (v)	/hʌɡ/	Ôm
Humor (n)	/'hjuːmə(r)/	Tính hài hước
Jewish (a)	/'dʒuːɪʃ/	Thuộc Do Thái, Người Do Thái
Last (v)	/lɑːst/	Kéo dài
Lunar (a)	/'luːnə(r)/	Thuộc mặt trăng
Miss (v)	/mɪs/	Nhớ

Nominate (v)	/ˈnɒmɪneɪt/	Đề cử
Occur (v)	/əˈkɜː(r)/	Xảy ra
Parade (n)	/pəˈreɪd/	Cuộc diễu hành
Passover (n)	/ˈpɑːsəʊvə(r)/	Lễ Quá hải
Predict (v)	/prɪˈdɪkt/	Dự báo, dự đoán trước
Priority (n)	/praɪˈɒrəti/	Sự ưu tiên
Slavery (n)	/ˈsleɪvəri/	Sự nô lệ, chế độ nô lệ
Sticky (a)	/ˈstɪki/	Dính
Towards (prep)	/təˈwɔːdz/	Về phía, hướng về

PREPOSITIONS

VERB/ADJECTIVE	PLACE	TIME
Congratulate on	In many countries	Throughout the year
Draw from	In the town	In late January
Be proud of	In the pipes	In the spring
Take part in	In different activities	In mid-fall
Be crowded with		On the first night
Compliment somebody on		On her birthday
Bring to mind		During the Christmas
Take a cup of		*Due to /because of
Distinguish from		
Give details about		
Love for		
Stay with		
Walk towards		

EXERCISES

1. I like living in the country _____. I'm interested in the natural world.
A. therefore B. but C. although D. because
2. "Hi, Bill. Congratulations!" - _____.
A. I'm sorry B. Thank you C. My pleasure D. You're welcome
3. My parents wouldn't let me _____ up late when I was a child.
A. to stay B. staying C. stay D. stayed
4. The scientist _____ we met yesterday is very well-known.
A. which B. where C. whom D. whose
5. On Passover, people celebrate _____ from slavery.
A. dependence B. power C. boredom D. freedom
6. He is a _____ man who is loved by all his friends.
A. consider B. considering C. considerable D. considerate

7. Tet holiday is the most important _____ for Vietnamese people.
A. custom B. religion C. celebration D. culture
8. Family people who live _____ try to be together at Christmas.
A. apart B. away C. separate D. distant
9. Mr. Green's _____ of humor distinguishes him from others.
A. feeling B. sense C. temper D. hobby
10. Let me _____ you on your success in the examination.
A. encourage B. distinguish C. celebrate D. congratulate
11. My friend, John, _____ sings western folk songs very well, can compose songs.
A. who B. whom C. which D. whose
12. _____ Mother's Day and Father's Day are not very popular in Viet Nam, we give our parents presents on their birthday.
A. Because B. So C. Because D. Although
13. My friends come to stay _____ us _____ Christmas.
A. to / at B. with / in C. with / at D. to / in
14. A: I've just passed the final exam. – B: _____.
A. Try harder next time B. Congratulations
C. Good luck D. It's nice of you
15. We think that Mother's Day should be celebrated _____.
A. nationhood B. nationwide C. nationality D. nation
16. She cried with _____. when she heard the news. It was her _____ time.
A. joy/ joyful B. joyful/ joy C. joyfully/ joy D. joy/ joyfully
17. Amee: "I've just passed the KET test." - Yura: "_____"
A. Try harder next time! B. Congratulations!
C. Good luck! D. It's nice of you to say so!
18. Easter happens _____ around the same time as Passover.
A. in B. on C. at D. by
19. If you are not satisfied _____ your essay. I suggest that you rewrite it.
A. with B. of C. to D. at
20. She always thinks of other people's feelings and wishes. She is a (n) _____ woman.
A. considerate B. desirable C. active D. slavish
21. He has now been formally _____ as presidential candidate.
A. pointed B. regarded C. received D. nominated
22. Passover is a festival _____ is celebrated by all Jewish people.
A. where B. which C. who D. whom
23. All of us respect Mr. Jones very much. He always kind-hearted and _____.
A. exciting B. joyful C. humorous D. generous
24. Do you know the man _____ car is parked over there?
A. who B. which C. whose D. that
25. There used to be a military _____ in Red Square on 1st May.
A. parade B. festival C. party D. celebration
26. He is a generous man. He is _____ known for his generosity.
A. well B. good C. better D. best
27. It's nice _____ you to say so !
A. in B. on C. of D. at
28. Passover is celebrated in Israel by all _____ people.

- A. English B. Vietnamese C. Japanese D. Jewish
29. I lived in Da Lat, _____ is one of the most beautiful cities of Vietnam.
A. who B. which C. whom D. whose
30. Sticky rice cakes are a _____ dish at Tet in Vietnam.
A. traditional B. tradition C. custom D. customary
31. The Seder is a special meal _____ on the first two nights of Passover by Jewish families.
A. eaten B. eating C. celebrated D. celebrating
32. Some people consider Easter a _____ festival rather than a religious festival.
A. happy B. cheer C. joyful D. joke
33. Chocolate and eggs are what children receive _____ Easter.
A. at B. on C. in D. with
34. What I like best about my uncle is his _____ of humor.
A. telling B. jokes C. character D. sense
35. Can you tell me the reason for _____ the Mother's Day ?
A. celebrating B. celebration C. celebrate D. celebrated
36. The people _____ live in Greece speak Greek.
A. which B. whom C. where D. who
37. Auld lang Syne is a song _____ is sung on New Year's Eve.
A. which B. who C. whom D. when
38. Peter, _____ can compose many pieces of music, sings very well.
A. which B. whom C. who D. whose
39. Do you know the man _____ you met yesterday?
A. who B. whom C. which D. whose
40. The men and animals _____ you saw on TV were from China.
A. who B. whom C. which D. that
41. Tet is a festival _____ occurs in late January or early February.
A. who B. which C. whom D. when
42. The car _____ he has just bought is very expensive.
A. who B. whom C. which D. whose
43. By _____, it is enjoyable for many Americans to buy a Christmas tree and decorate it.
A. celebrate B. tradition C. priority D. memory
44. Was the movie "Parasite" _____ for an Oscar?
A. taken B. recognized C. nominated D. accepted
45. The cooker _____ is displayed at Nguyen Kim supermarket looks modern.
A. why B. who C. which D. whose
46. Mrs. Thoa is generous to the poor _____ she is not rich.
A. although B. but C. however D. so
47. Family is always my father's stop _____. It is the most important to him.
A. speciality B. right C. priority D. privacy
48. On Easter Day, people crowd the street to watch colorful _____.
A. picnics B. parades C. paradises D. contest
49. He is having a party in _____ of his 84th birthday.
A. ceremony B. celebration C. anniversary D. memory
50. "What a nice dress!" – "_____."
A. You're very nice to say so B. That's a good idea
C. It's my pleasure D. Thanks. I can do it myself.

LỊCH SỬ 9- TUẦN 7 TỪ NGÀY 14/3 – 19/3/2022

Chương IV. VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

BÀI 24. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 – 1946)(2 tiết)

I. Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám

- Chính trị:

+ Từ vĩ tuyến 16 (Đà Nẵng) trở ra Bắc: quân Tưởng với âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng, thành lập chính quyền tay sai.

+ Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam: Anh, Pháp quay lại xâm lược nước ta.

+ Các lực lượng phản cách mạng, chống phá cách mạng.

- Kinh tế:

+ Nghèo nàn, lạc hậu,

+ Ngân sách nhà nước trống rỗng....

- Văn hóa: hơn 90% dân số mù chữ.

- Xã hội: các tệ nạn xã hội tràn lan.

II. củng cố chính quyền cách mạng và bảo vệ độc lập dân tộc.

1. Bước đầu xây dựng chế độ mới

- 6/1/1946 nhân dân cả nước đi bầu cử Quốc hội khóa I

- Ý nghĩa:

+ Là đòn đánh mạnh vào âm mưu chia rẽ của kẻ thù.

+ Nâng cao uy tín của Đảng, của nước VNDCCH trên trường quốc tế.

+ Phát huy tinh thần yêu nước, ý chí làm chủ đối với nhà nước cách mạng.

+ Biểu lộ sức mạnh và ý chí sắt đá của khối đoàn kết toàn dân.

2. Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính

a. Giải quyết giặc đói

- Lập hũ gạo cứu đói, ngày đồng tâm.

- Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, giảm tô thuế, chia lại ruộng công,...

b. Giải quyết giặc dốt

- 9/1945 thành lập cơ quan bình dân học vụ.

- Toàn dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.

- Phát triển các cấp học, đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục.

c. Giải quyết khó khăn về tài chính

- Kêu gọi tinh thần đóng góp của dân.

- Xây dựng “Quỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng”.

- 11/1946 phát hành tiền Việt Nam.

3. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược

- Đêm 22 rạng sáng 23/9/1945 Pháp đánh úp trụ sở UBND Nam Bộ và cơ quan tự vệ Sài Gòn.

- Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn anh dũng đánh trả quân xâm lược.

- 10/1945 Pháp đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

- Đảng phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến.

4. Đấu tranh chống quân Tưởng và bọn phản cách mạng

- Đề hạn chế sự phá hoại, ta nhân nhượng cho chúng một số quyền lợi về kinh tế và 1 số chức vụ trong Quốc hội.
- Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng.

5. Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và tạm ước Việt – Pháp (14/9/1946)

a. Hoàn cảnh

- Pháp - Tưởng kí hiệp ước Hoa - Pháp (28/2/1946) để bắt tay chống phá cách mạng nước ta.
- Đảng chủ trương hòa hoãn với Pháp, kí Hiệp định sơ bộ (6/3/1946)

b. Nội dung hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946

- Pháp công nhận VNDCCH là nước tự do, có chính phủ.
- VNDCCH thỏa thuận cho Pháp ra Bắc thay thế quân Tưởng.
- Hai bên ngừng bắn ở Nam bộ.
- Ngày 14/9/1946 Chủ tịch HCM kí với Pháp tạm ước Việt -Pháp.
- Ý nghĩa: giúp ta loại được Tưởng, có thêm thời gian hòa hoãn để chuẩn bị kháng chiến lâu dài.



Chương V. VIỆT NAM TỪ CUỐI NĂM 1946 ĐẾN NĂM 1954

BÀI 25. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1950)

(2 tiết)

I. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ (19/12/1946)

- Sau hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và tạm ước (14/9/1946) TDP liên tiếp bội ước.
- 11/1946 Pháp tấn công cơ sở cách mạng ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ.
- Khiêu khích ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn.
- 12/1946 gây xung đột vũ trang ở Hà Nội.
- + Tối 19/12/1946 Chủ tịch HCM ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- Đường lối kháng chiến của ta: toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16

- Hà Nội: cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt nhằm giam chân địch, tiêu diệt 1 bộ phận sinh lực địch để chủ lực ta (trung đoàn thủ đô) rút lui về căn cứ.
- Tại các thành phố khác: Nam Định, Huế, Đà Nẵng.
- + Chủ động tấn công, giam chân giặc trong các thành phố để ta rút lui lên chiến khu.
- + Tại Vinh: ta buộc địch đầu hàng.
- Ý nghĩa:
- + Tạo điều kiện thuận lợi để trung ương Đảng, chính phủ và quân chủ lực rút lui lên chiến khu an toàn.
- + Chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

III. Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài (tự đọc)

- Chính trị: chia đất nước thành 12 khu hành chính quân sự.
- Quân sự: mọi người dân từ 18 – 45 tuổi đều đi lính.

- Kinh tế: duy trì và phát triển sản xuất.
- Giáo dục: bình dân học vụ tiếp tục phát triển.

IV. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947

1. Thực dân Pháp tiến công căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc

- Âm mưu của địch:
 - + Thực hiện chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh".
 - + Thành lập chính phủ bù nhìn trung ương.
- Mục tiêu:
 - + Phá căn cứ địa chính của cả nước, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực.
 - + Khoá chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn liên lạc giữa ta và quốc tế.
- Hành động: 7/10/1947 Pháp tiến công căn cứ địa Việt Bắc.

2. Quân dân ta chiến đấu bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc

- Diễn biến:

- + Tại Bắc Cạn: quân ta chủ động phản công, bao vây, phục kích địch.
- + Ở hướng Đông: ta thắng lớn trên sông Lô, Đoan Hùng, Khe Lau.
- + Ở hướng Tây: ta thắng lớn ở đèo Bông Lau. (30/10/1947)

- Kết quả:

- + Căn cứ địa Việt Bắc được giữ vững.
- + Cơ quan đầu não kháng chiến an toàn.
- + Quân đội ta trưởng thành.

- Ý nghĩa:

- + Đánh bại âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp sang đánh lâu dài.
- + Chấm dứt giai đoạn phòng ngự của cuộc kháng chiến → chứng tỏ đường lối kháng chiến của ta là đúng đắn.

V. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện (tự lực)

- Âm mưu của địch: "dùng người Việt trị người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" nhằm chống lại cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện của ta.
- Chủ trương của ta:
 - + Quân sự: vận động nhân dân vũ trang toàn dân và đẩy mạnh chiến tranh du kích.
 - + Chính trị: chính quyền kháng chiến được củng cố.
 - + Ngoại giao: một loạt các nước XHCN đặt quan hệ ngoại giao với ta (Liên Xô, Trung Quốc...)
 - + Kinh tế: ta chủ trương vừa phá hoại kinh tế của địch, xây dựng và củng cố kinh tế kháng chiến.
 - + Văn hoá - giáo dục: ta cải cách giáo dục phổ thông 12 năm sang 9 năm.



ĐỊA LÍ 9- TUẦN 7

I. BIỂN VÀ ĐẢO VIỆT NAM:

- Nước ta có vùng biển rộng gồm thềm lục địa và vùng biển đặc quyền.
- Vùng biển nước ta có hơn 4000 đảo lớn nhỏ. Các huyện đảo

- | | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|
| • Vân Đồn, Cô Tô (Quảng Ninh) | • Trường Sa (Khánh Hòa) |
| • Cát Hải, Bạch Long Vĩ (Hải Phòng) | • Phú Quý (Bình Thuận) |
| • Côn Cỏ (Quảng Trị) | • Côn Đảo (Bà Rịa – Vũng Tàu) |
| • Hoàng Sa (Đà Nẵng) | • Kiên Hải, Phú Quốc (Kiên Giang) |
| • Lý Sơn (Quảng Ngãi) | |

II. PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ BIỂN:

1/ Khai thác nuôi trong chế biến hải sản:

- *Thuận lợi:* Hải sản phong phú, trữ lượng lớn khoảng 4 triệu tấn, có nhiều loại hải sản, có giá trị xuất khẩu cao.
- *Hạn chế:* Nhanh bị cạn kiệt, sản lượng nhỏ, nuôi trong lồng.
- *Biện pháp:* Ưu tiên phát triển, khai thác xa bờ, đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, phát triển công nghiệp chế biến thủy sản.

2/ Du lịch biển đảo:

- *Thuận lợi:* Nguồn tài nguyên du lịch biển phong phú.
- *Hạn chế:* Các hoạt động dịch vụ, du lịch còn ít.
- *Biện pháp:* Phát triển các loại hình dịch vụ biển.

3/ Khai thác chế biến khoáng sản biển:

- *Thuận lợi:* Nhiều bãi muối, cát, titan, dầu khí.
- *Hạn chế:* Chế biến xuất khẩu dầu thô.
- *Biện pháp:* Xây dựng nhà máy lọc dầu, phát triển ngành công nghiệp hóa dầu để tạo nhiều liên kết phát triển nhiều ngành công nghiệp khác.

4/ Phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển:

- *Thuận lợi:* Gần nhiều tuyến đường biển quốc tế, nhiều vùng vịnh để xây dựng cảng.
- *Hạn chế:* Ngành công nghiệp hàng hải, vận tải biển, dịch vụ hàng hải còn thiếu.
- *Biện pháp:* Phát triển các vận tải biển, dịch vụ hàng hải, hình thành 3 cụm công nghiệp hàng hải lớn: Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ.

III. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO:

- 1/ Số giảm sút tại nguồn biển – đảo:
- Tài nguyên biển đảo nước ta đang giảm sút và ô nhiễm, diện tích rừng ngập mặn giảm, sản lượng đánh bắt thủy sản giảm, một số tài nguyên có nguy cơ tuyệt chủng do ô nhiễm môi trường biển, đánh bắt khai thác quá mức.
- 2/ Phòng chống bảo vệ tài nguyên biển:
- Việt Nam đã tham gia cam kết quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường biển có kế hoạch khai thác hợp lý, khai thác bền vững và phát triển tài nguyên (khai thác hải sản xa bờ, bảo vệ rừng ngập mặn, rạn san hô, phát triển nguồn lợi thủy sản, phòng chống ô nhiễm biển).

Tuần 7 (14/03/2022 – 19/03/2022)

BÀI 15: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CỦA CÔNG DÂN

(tiết 1)

I. Đặt vấn đề

- Đọc SGK.

II. Nội dung bài học

1. Khái niệm lao động

- Hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra của cải, vật chất và các giá trị tinh thần cho xã hội gọi là lao động.

2. Vai trò lao động:

- Là hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất của con người
- Là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội.

III. Bài tập

- Làm bài tập SGK.

IV. Dặn dò

- Làm bài tập SGK, học bài.

CHỦ ĐỀ:

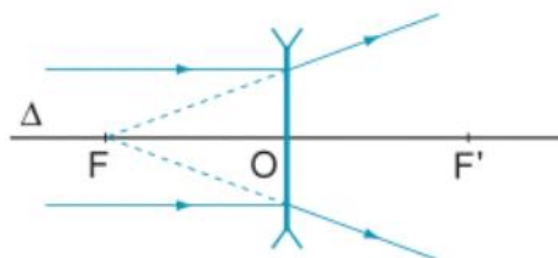
THẤU KÍNH PHÂN KÌ - ẢNH CỦA MỘT VẬT TẠO BỞI THẤU KÍNH PHÂN KÌ

I. Đặc điểm của thấu kính phân kì

- Có phần rìa dày hơn phần giữa
- Chiều chùm tia tới song song trục chính cho chùm tia ló phân kì
- Đưa thấu kính lại gần dòng chữ trên trang sách, thấy ảnh của dòng chữ bé hơn dòng chữ.

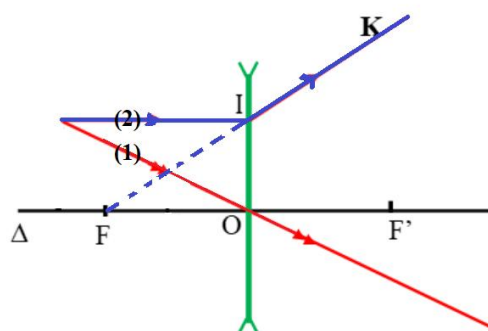
II. Đường truyền của các tia sáng đặc biệt qua TKHT

1. Trục chính, quang tâm, tiêu điểm, tiêu cự



- Trục chính Δ .
- Quang tâm O.
- Tiêu điểm F, F'.
- Tiêu cự $OF = OF' = f$.

2. Đường truyền 2 tia sáng đặc biệt qua TKPK



(1): Tia tới đi qua quang tâm thì tia ló tiếp tục đi thẳng theo phương của tia tới.

(2): Tia tới song song với trục chính thì tia ló **kéo dài** đi qua tiêu điểm.

3. Cách dựng ảnh

Muốn dựng ảnh A'B' qua thấu kính (AB vuông góc với trục chính, A nằm trên trục chính), ta dựng ảnh B' của B qua thấu kính bằng cách vẽ đường truyền của 2 tia sáng đặc biệt. Sau đó, từ B' dựng vuông góc với trục chính ta được ảnh A' của A.

III/ Đặc điểm ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ

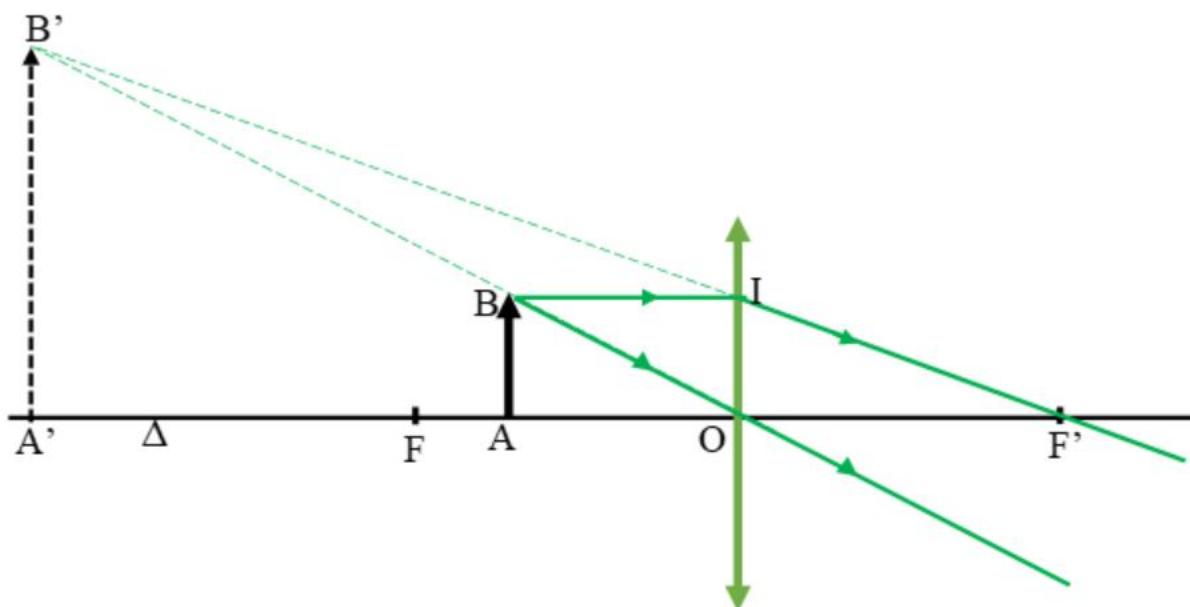
– Vật sáng đặt ở mọi vị trí trước TKPK luôn cho ảnh ảo, cùng chiều, nhỏ hơn vật và luôn nằm trong khoảng tiêu cự của thấu kính.

– Vật đặt rất ra thấu kính cho ảnh ảo cách thấu kính một khoảng bằng tiêu cự.

IV/ Vận dụng

C5&C7/123: $f = 12\text{cm}$, $d = 8\text{cm}$.

a) Thấu kính hội tụ



– Nhận xét: ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật.

$$\Delta ABO \sim \Delta A'B'O$$

$$\Rightarrow \frac{AB}{A'B'} = \frac{OA}{OA'} \quad (1)$$

$$\Delta A'B'F' \sim \Delta OIF'$$

$$\Rightarrow \frac{OI}{A'B'} = \frac{OF'}{A'F'} = \frac{OF'}{OA' + OF'}$$

Mà $OI = AB$ (ABIO là hình chữ nhật)

$$\Rightarrow \frac{AB}{A'B'} = \frac{OF'}{OA' + OF'} \quad (2)$$

Từ (1) và (2) $\Rightarrow \frac{OA}{OA'} = \frac{OF'}{OA' + OF'}$

$$\Rightarrow \frac{8}{OA'} = \frac{12}{OA' + 12}$$

$$\Rightarrow 8OA' + 96 = 12OA'$$

$$\Rightarrow 4OA' = 96$$

$$\Rightarrow OA' = 24\text{cm}$$

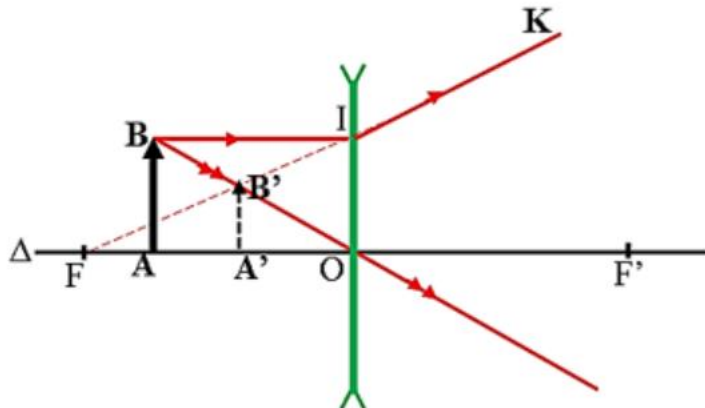
Với $AB = 6\text{mm}$

$$(1) \Rightarrow \frac{6}{A'B'} = \frac{8}{24}$$

$$\Rightarrow A'B' = 18\text{mm}$$

Vậy ảnh cách thấu kính 24cm và ảnh cao 18mm

b) Thấu kính phân kì



– Nhận xét: ảnh ảo, cùng chiều, bé hơn vật.

$$\Delta ABO \sim \Delta A'B'O$$

$$\Rightarrow \frac{AB}{A'B'} = \frac{OA}{OA'} \quad (1)$$

$$\Delta A'B'F \sim \Delta OIF$$

$$\Rightarrow \frac{OI}{A'B'} = \frac{OF}{A'F} = \frac{OF}{OF - OA'}$$

Mà $OI = AB$ (ABIO là hình chữ nhật)

$$\Rightarrow \frac{AB}{A'B'} = \frac{OF}{OF - OA'} \quad (2)$$

$$\text{Từ (1) và (2)} \Rightarrow \frac{OA}{OA'} = \frac{OF}{OF - OA'}$$

$$\Rightarrow \frac{8}{OA'} = \frac{12}{12 - OA'}$$

$$\Rightarrow 96 - 8OA' = 12OA'$$

$$\Rightarrow 20OA' = 96$$

$$\Rightarrow OA' = 4,8\text{cm}$$

Với $AB = 6\text{mm}$

$$(1) \Rightarrow \frac{6}{A'B'} = \frac{8}{4,8}$$

$$\Rightarrow A'B' = 3,6\text{mm}$$

Vậy ảnh cách thấu kính 4,8cm và ảnh cao 3,6mm

C6/123:

So sánh ảnh ảo của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ và thấu kính phân kì:

– Giống nhau: Cùng chiều với vật.

– Khác nhau:

+ Đối với thấu kính hội tụ thì ảnh lớn hơn vật và ở xa thấu kính hơn vật.

+ Đối với thấu kính phân kì thì ảnh nhỏ hơn vật và ở gần thấu kính hơn vật.

ACTYLENE

Công thức phân tử: _____

Phân tử khối: _____

I-TÍNH CHẤT VẬT LÝ:

.....

II- CẤU TẠO PHÂN TỬ:

Công thức cấu tạo :

.....

.....

Trong ptử actylene có

.....

.....

III-TÍNH CHẤT HOÁ HỌC:

1/ Phản ứng cháy:



2/ Phản ứng cộng với dung dịch brommine:

* Thí nghiệm :

+ Hiện tượng:

+ PTHH:

.....

.....

Viết gọn:

.....

.....

IV- ĐIỀU CHẾ:

NỘI DUNG BÀI HỌC SINH 9 TUẦN 7/HKII

Bài 48: QUẦN THỂ NGƯỜI

I. Sự khác nhau giữa quần thể người với QTSV khác

- Quần thể người có những đặc điểm sinh học giống các quần thể sinh vật khác.
- Quần thể người có những đặc trưng khác với quần thể sinh vật khác: Kinh tế, xã hội...

II. Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi của quần thể người

Quần thể người gồm 3 nhóm tuổi:

- + Nhóm tuổi trước sinh sản.
- + Nhóm tuổi lao động và sinh sản.
- + Nhóm tuổi hết lao động nặng.
- Nước có dạng tháp dân số trẻ là nước có tỷ lệ sinh ra hằng năm nhiều, tỷ lệ tử vong cao ở người trẻ, tỷ lệ tăng trưởng dân số cao (tháp a,b).
- Nước có dạng tháp dân số già có tỷ lệ trẻ em sinh ra hằng năm ít, tỷ lệ người già nhiều (tháp c).

III. Tăng dân số và phát triển dân số

Phát triển dân số hợp lý tạo được sự hài hoà giữa kinh tế và xã hội, đảm bảo cuộc sống cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội.

Bài 49: QUẦN XÃ SINH VẬT

I. Thế nào là một quần xã sinh vật

Quần xã sinh vật là tập hợp những quần thể sinh vật khác loài cùng sống trong một khoảng không gian xác định. Chúng có mối quan hệ gắn bó như một thể thống nhất. Có cấu trúc tương đối ổn định.

II. Những dấu hiệu điển hình của một quần xã

Quần xã có đặc trưng cơ bản về số lượng và thành phần các loài sinh vật.

Kết luận: Nội dung như bảng 49 SGK trang 147

III. Quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã

Khi ngoại cảnh thay đổi dẫn tới số lượng cá thể trong quần xã thay đổi và luôn được khống chế ở mức độ phù hợp với môi trường.

- Cân bằng sinh học là trạng thái mà số lượng cá thể mỗi quần thể trong quần xã dao động quanh vị trí cân bằng.

- Sinh vật trong quá trình biến đổi dần dần thích nghi với môi trường sống của chúng.

TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG
TỔ: CÔNG NGHỆ - VTM

MÔN THỂ DỤC LỚP 9 TUẦN 7 – HK2
Chủ Đề: Thể Thao Tự Chọn – Bóng Rổ
Chạy Bền Thể Lực.

I. Mục tiêu

1. Về phẩm chất:

Bài học góp phần bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, cụ thể đã khơi dậy ở HS:

- Tự giác, tích cực trong hoạt động tập thể.
- Luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập.

2. Về năng lực:

Bài học góp phần hình thành, phát triển cho HS các năng lực sau đây:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: HS chủ động thực hiện việc sưu tầm tranh, ảnh, Video clip phục vụ bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS biết sử dụng thuật ngữ, kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin về các kỹ thuật, kỹ năng trong môn bóng rổ với kỹ thuật ném bóng tại chỗ một tay trên vai.

2.2. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và thực hiện được các kỹ thuật tại chỗ ném bóng một tay trên vai
- Biết quan sát tranh ảnh.
- Vận dụng được trong các giờ học Thể dục và tự tập hàng ngày.

II. Bài Thực Hành.

1. Ôn Động tác bổ trợ đã học ở lớp 8

- Dẫn bóng di chuyển bằng tay trái và tay phải.
- Tại chỗ dẫn bóng tay trái, tay phải.

2. Ném bóng vào rổ

- Thực hiện động tác ném vào rổ : Mô phỏng tay không, thực hiện có bóng

3. Bài Thể Lực Chạy Tại Chỗ

Yêu cầu chạy tại chỗ tùy sức : từ 30 giây đến 60 giây hoặc 90 giây. Làm lại từ 2 đến 3 lần sau khi nghỉ ngơi 3 đến 5 phút.

TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG

MÔN ÂM NHẠC LỚP 9

Tiết 7

Ôn tập và kiểm tra

Tiết 7

Ôn tập và kiểm tra

1. Ôn tập hai bài hát

- Bóng dáng một ngôi trường
- Nụ cười

2. Ôn tập Nhạc lí

- Quãng
- Hợp âm

3. Ôn tập Tập đọc nhạc

TĐN số 1, 2.

*** Ghi nhớ**

- Về giọng Son trưởng (hoá biểu có dấu Pha thăng, thường kết bài bằng âm chủ Son).



- Về giọng Mi thứ (hoá biểu có dấu Pha thăng, thường kết bài bằng âm chủ Mi).



Giọng Son trưởng và Mi thứ có chung hoá biểu (dấu Pha thăng). Đó là hai giọng song song.